

TÒA ÁN ND HUYỆN NGÀ SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/6/2019

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Ông Nguyễn Văn Quân.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa : Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2019/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Mai Thị Th – sinh năm 1995.

Địa chỉ: xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (có mặt).

* Bị đơn: Anh Trần Văn T – sinh năm 1991.

Địa chỉ: xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Mai Thị Th trình bày:

Về hôn nhân : Chị và anh Trần Văn T kết hôn ngày 23/01/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh T chơi bời sử dụng chất gây nghiện, vi phạm pháp luật, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không từ bỏ được. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2016 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau được nữa. Nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Lan H – sinh ngày 16/6/2013. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu H cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Ngày 26/4/2019 chị Th có đơn đề nghị giao cháu H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu H ở với anh T từ nhỏ, đang được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Tại phiên tòa chị Th đề nghị được cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ cùng anh T mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên không có ý kiến của anh T về việc chị Th yêu cầu ly hôn. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt chị Th, vắng mặt anh T nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 22/5/2019 anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

* Do vụ án liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Mai Thị Th đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Trần Văn T không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị Mai Thị Th và anh Trần Văn T kết hôn ngày 23/01/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị Th là hoàn toàn chính đáng, bởi trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh được biết cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xung đột, cãi vã lẫn nhau, mâu thuẫn không thể giải quyết được. Nguyên nhân là do anh T chơi bời sử dụng chất gây nghiện, vi phạm pháp luật, mặc dù chị Th đã nhiều lần can ngăn nhưng anh T vẫn không từ bỏ được. Chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2016, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chứng tỏ, anh T không có sự níu kéo, không mong muốn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Th đối với anh Trần Văn T.

[3] Về con chung: Chị Mai Thị Th và anh Trần Văn T có 01 con chung là Trần Lan H – sinh ngày 16/6/2013. Xét thấy, cần giao cháu H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với thực tế. Bởi vì, qua xác minh được biết, hiện cháu H đang ở cùng với anh T lâu nay, cháu được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành ổn định. Hơn nữa, chị Th đề nghị giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì chị không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tuy nhiên, cần xem xét đối với yêu cầu của chị Mai Thị Th tại phiên tòa về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ cùng anh T với mức 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Như vậy, là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Anh Trần Văn T không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, cần dành quyền dân sự cho anh T khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Mai Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Th. Cho chị Mai Thị Th ly hôn anh Trần Văn T.

* Về con chung: Giao cháu Trần Lan H – sinh ngày 16/6/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ là 1.000.000đ(*Một triệu đồng*)/tháng, cho đến khi cháu Trần Lan H đủ 18 tuổi. Chị Th có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, anh T không được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành không thi hành, thì hàng tháng người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

* Dành quyền dân sự cho anh Trần Văn T khi có yêu cầu giải quyết về con và tài sản.

* Về án phí: Chị Mai Thị Th phải nộp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng cộng là 600.000đ(*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0005052, ngày 17/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị Th còn phải nộp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*).

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Hùng